

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA
ANH VĂN ĐỢT 2. 2026

Môn thi: CDR Anh văn

- Ngành: Tất cả các ngành

Ngày thi: 31/05/2026

- Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm số	Đánh giá	Nhóm thi	Ghi chú
1	2223360429	Dương Nguyệt	Nhi	24/06/2007	8.1	Đạt	2	
2	54222510056	Đặng Thanh	Tiến	27/12/2006			2	Hoãn thi
3	54222530014	Huỳnh Như	Quỳnh	27/07/1990			2	Hoãn thi
4	54222520056	Đoàn Ngọc Phương	Nhi	23/07/2007	9.1	Đạt	2	
5	54222420028	Nguyễn Đức	Bảo	02/07/1998	7.1	Đạt	2	
6	2223360293	Nguyễn Văn	An	13/11/2007	5.3	Đạt	2	
7	54222410070	Nguyễn Trúc	Thy	31/12/2008	3.9	Không Đạt	2	
8	2213360097	Giang Quỳnh	Thương	21/07/2006			2	Hoãn thi
9	54222420068	Thái Hồng	Nhân	12/03/2006	5.2	Đạt	2	
10	54222410007	Nguyễn Ngọc Thùy	Duyên	30/04/2007	9.2	Đạt	2	
11	54222410003	Trần Đình Nhật	Ái	14/02/2007	9.1	Đạt	2	
12	54222420030	Đỗ Thị Mỹ	Hợp	02/05/2006	5.3	Đạt	2	
13	54222530007	Nguyễn Thị Hà	Thu	26/10/1994	7.6	Đạt	2	
14	54222430001	Nguyễn Ngọc	Loan	14/06/1985	9.1	Đạt	2	
15	54222420078	Võ Trần Thúy	Vi	12/11/1998	8.9	Đạt	2	
16	54232420002	Nguyễn Ngọc	Thủy	27/07/1975	3.6	Không Đạt	2	
17	54232530001	Lê Thị Phương	Trà	07/11/1994	8.0	Đạt	2	
18	54232520014	Lâm Thị Thảo	Nguyên	11/05/2002	7.7	Đạt	2	
19	54232520001	Châu Thị Thanh	Hương	28/07/2004	8.0	Đạt	2	
20	54212430011	Trần Huy	Hạ	16/09/2000	7.1	Đạt	2	
21	54222420021	Hồ Mạnh	Huy	16/09/1989	9.1	Đạt	2	
22	54222410077	Lê Quốc Hoàng	Long	18/12/2009	5.6	Đạt	2	
23	54222420033	Hoàng Quỳnh	Anh	14/09/2004	3.5	Không Đạt	2	
24	54232320009	Lê Thị Như	Nguyệt	14/04/1997	9.6	Đạt	2	
25	54222520016	Nguyễn Phong	Đức	24/04/1982	8.4	Đạt	2	
26	54232530006	Nguyễn Sĩ	Đạt	16/04/1996	6.0	Đạt	2	
27	54222320068	Huỳnh Thanh	Tú	18/07/1993	7.6	Đạt	2	
28	54222410234	Phạm Tuấn	Đạt	17/08/2003	9.6	Đạt	2	
29	54232520032	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc	10/11/1974	7.9	Đạt	2	
30	54222310041	Châu Tuấn	Cảnh	05/02/2000	4.0	Không Đạt	2	
31	54222310121	Võ Văn	Son	31/10/2004	8.7	Đạt	2	
32	54222310184	Trần Văn	Thái	15/11/2004	8.2	Đạt	2	
33	54222420048	Nguyễn Minh	Trí	20/08/2001	3.9	Không Đạt	2	
34	54222410125	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	18/03/2009	8.3	Đạt	2	
35	54222410131	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	06/10/2009	5.3	Đạt	2	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm số	Đánh giá	Nhóm thi	Ghi chú
36	54222410193	Vũ Bùi Nhật	Nam	28/08/2008	5.3	Đạt	3	
37	54222410033	Nguyễn Khánh	Linh	25/04/2006	8.8	Đạt	3	
38	54222510082	Vũ Thị Bảo	Hân	23/01/2010			3	Hoàn thi
39	54222510015	Tăng Thị Mỹ	Duyên	16/11/2003	9.2	Đạt	3	
40	54222420014	Đặng Nhứt	Huy	14/02/2005	8.9	Đạt	3	
41	54222430011	Trần Đại	Nghĩa	29/07/2004	8.5	Đạt	3	
42	54222430010	Dương Minh	Thuận	22/10/1997	9.6	Đạt	3	
43	54222520059	Hồ Nguyễn Ngọc	Yến	14/03/2005	9.2	Đạt	3	
44	54222410026	Lê Trần Minh	Anh	31/10/2009	9.2	Đạt	3	
45	54222520047	Nguyễn Ngọc	Hân	06/06/2007	8.8	Đạt	3	
46	54222520046	Lê Thị Ngọc	An	09/04/1998	9.1	Đạt	3	
47	54222520020	Nguyễn Thị	Hòa	10/05/1996	8.9	Đạt	3	
48	54222530012	Huỳnh Thị Kim	Thủy	05/08/1988	10.0	Đạt	3	
49	54222520055	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	05/09/2003		Không Đạt	3	VẮNG THI
50	54222410029	Nguyễn Thành	Danh	04/06/2006		Không Đạt	3	VẮNG THI
51	54222520041	Lê Hoàng Chinh	Su	14/09/2007	3.5	Không Đạt	3	
52	54222410094	Hoàng Thanh	Trúc	10/08/2009	8.4	Đạt	3	
53	54222410012	Đoàn Minh	Tú	25/05/2007	7.1	Đạt	3	
54	54222410128	Phạm Lê Hồng	Ân	03/12/2009	5.9	Đạt	3	
55	54222510065	Huỳnh Nguyễn Gia	Bảo	27/05/2010	8.8	Đạt	3	
56	54232520049	Kiều Thị Yến	Trang	04/03/1992	3.3	Không Đạt	3	
57	54232430004	Trương Thị Phương	Thảo	11/02/1994	9.1	Đạt	3	
58	54222410183	Lê Ngọc Yến	Vy	16/05/2008	6.0	Đạt	3	
59	54222520001	Đặng Thị	Hương	18/02/1985	6.8	Đạt	3	
60	54222410087	Nguyễn Ngọc Thùy	Trâm	13/09/2009	5.1	Đạt	3	
61	54222520014	Lê Thị	Dịu	22/12/1999	9.9	Đạt	3	
62	54222520032	Võ Thị Mỹ	Linh	16/03/1996	9.9	Đạt	3	
63	54222410019	Dương Tấn	Khôi	18/ 09/ 2004	7.7	Đạt	3	
64	54222410092	Nguyễn Thị Linh	Thương	11/11/2009	4.1	Không Đạt	3	
65	54232320012	Nguyễn Thị Thu	Hồng	05/01/1999		Không Đạt	3	VẮNG THI
66	54222310004	Nguyễn Thanh	Hằng	02/05/2006	4.7	Không Đạt	3	
67	54222410175	Trần Mai	Anh	19/08/2009	8.5	Đạt	3	
68	54222420072	Phan Anh	Thư	12/08/2005	8.8	Đạt	3	
69	54222410096	Nguyễn Ngọc Thiên	Du	12/08/2005	9.6	Đạt	3	
70	54222420076	Huỳnh Thị Mỹ	Hiền	10/05/2006	2.9	Không Đạt	4	
71	54222510116	Lê Thị	Trinh	01/01/1994	6.9	Đạt	4	
72	54222430029	Hoàng Thuý	An	07/12/1990	8.8	Đạt	4	
73	54222410145	Cao Thanh	Thảo	01/11/2009	7.2	Đạt	4	
74	54222510066	Huỳnh Kim	Ngân	30/04/2010	7.2	Đạt	4	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm số	Đánh giá	Nhóm thi	Ghi chú
75	217020098	Trần Quốc	Duy	28/08/1996	7.7	Đạt	4	
76	54222510121	Hồ Ngọc Bảo	Nhi	17/10/2004	9.5	Đạt	4	
77	54222410121	Trần Thảo	Vy	22/06/2009	8.0	Đạt	4	
78	54222410137	Nguyễn Chí	Dũng	01/11/2009	4.1	Không Đạt	4	
79	54222420022	Đặng Gia	Huy	06/05/2005		Không Đạt	4	VẮNG THI
80	54222410169	Đậu Thị Lam	Huyền	26/11/2009	8.1	Đạt	4	
81	54222410049	Nguyễn Phương	Tùng	28/01/1998	6.4	Đạt	4	
82	54232520020	Đinh Huỳnh Mỹ	Ngọc	17/07/1998	8.8	Đạt	4	
83	2213360205	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	21/11/2006	6.7	Đạt	4	
84	2223360045	Nguyễn Ngọc	Thịnh	22/07/2002	8.9	Đạt	4	
85	54222510035	Vũ Quốc	Huy	01/12/2010	8.9	Đạt	4	
86	54222410168	Lý Thu	Thảo	23/10/2009	7.5	Đạt	4	
87	54222410064	Trần Hà Mỹ	Huyền	11/09/2009	7.6	Đạt	4	
88	54222410028	Nguyễn Thị Kim	Thoa	09/09/1995	8.9	Đạt	4	
89	54222420035	Nguyễn Hoàng	Thanh	05/12/1961	6.4	Đạt	4	
90	54222420077	Nguyễn Anh	Tuấn	30/05/2006	5.1	Đạt	4	
91	54222420079	Lê Quốc	Đạt	10/01/2000	5.6	Đạt	4	
92	54222530005	Bùi Thị	Hường	27/07/1990	6.3	Đạt	4	
93	54222410187	Nguyễn Ngọc Linh	San	03/11/2008	8.7	Đạt	4	
94	54222520003	Trần Thu	Phương	09/10/1992	6.7	Đạt	4	
95	54222510119	Nguyễn Nhựt	Hào	07/05/2007	3.7	Không Đạt	4	
96	54222410014	Nguyễn Gia Lập	Trường	19/10/2000	4.1	Không Đạt	4	
97	54222410216	Phan Minh	Kiệt	24/12/2009	4.8	Không Đạt	4	
98	54222410223	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	26/06/1999	3.2	Không Đạt	4	
99	54232320007	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	11/02/2000	6.8	Đạt	4	
100	54222410038	Võ Thị Như	Mộng	01/01/2005	6.3	Đạt	4	
101	54222430033	Nguyễn Nhã	Quyên	05/07/2003	6.7	Đạt	4	
102	54222410041	Võ Thị Hồng	Nhung	23/01/1994	8.3	Đạt	4	
103	54222420032	Phạm Thị Thùy	Trang	20/03/2001	7.3	Đạt	4	
104	54212410094	Đặng Đức	Mạnh	14/05/2009	2.9	Không Đạt	1	
105	54232520058	Hứa Thị Hải	Yến	24/03/1992	9.6	Đạt	1	
106	54212410004	Nguyễn Trà	My	24/10/2009		Không Đạt	1	VẮNG THI
107	54212310025	Nguyễn Thị Thủy	Chi	25/07/2008	9.1	Đạt	1	
108	54212430022	Nguyễn Công	Trí	03/07/1994	9.5	Đạt	1	
109	54212420034	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	03/03/2005	9.7	Đạt	1	
110	54232520034	Lê Võ Anh	Thư	05/03/2003	6.9	Đạt	1	
111	54212510013	Lưu Hoàng	Yến	09/12/2010	7.5	Đạt	1	
112	13310038	Giang Thị	Ngân	18/06/1993	6.7	Đạt	1	
113	54212410021	Hồ Thành	Đạt	20/05/2009	8.1	Đạt	1	

STT	MSSV	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm số	Đánh giá	Nhóm thi	Ghi chú
114	NH21355	Đào Huy	Sơn	09/09/1987	9.3	Đạt	1	
115	54212410075	Lương Diễm	Quỳnh	08/10/2009	7.7	Đạt	1	
116	54212410138	Phạm Võ Trường	Giang	22/01/2006	7.7	Đạt	1	
117	54212530009	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	16/11/2007	7.5	Đạt	1	
118	54212310055	Nguyễn Phú	Thành	29/08/2008	6.1	Đạt	1	
119	54212410107	Nguyễn Kim	Thư	01/08/2009	8.9	Đạt	1	
120	54232520010	Võ Nguyễn Mỹ	Duyên	15/10/2000	7.6	Đạt	1	
121	54212410074	Lê Cao Hoàng	Yến	08/11/2009	8.8	Đạt	1	
122	54212410035	Ngô Nhã	Kỳ	15/09/2009	9.5	Đạt	1	
123	54212410100	Nguyễn Anh	Khoa	30/03/2009		Không Đạt	1	VẮNG THI
124	54212530004	Nguyễn Tài	Chương	02/09/1985	8.4	Đạt	1	
125	54212520001	Nguyễn Thị Thúy	Nga	24/05/2006	9.7	Đạt	1	
126	54212520008	Võ Thị Thanh	Hiền	14/02/1996	9.6	Đạt	1	
127	54212520011	Đỗ Ngọc	Duyên	17/12/2007	9.5	Đạt	1	
128	54212510005	Quách Thị	Thủy	03/04/1984			1	Hoãn thi
129	54212410053	Nguyễn	Vy	20/02/2009	6.7	Đạt	1	
130	54212410109	Hoàng Văn	Long	04/09/2009	8.3	Đạt	1	
131	54212410117	Võ Ngọc Khánh	Hà	25/08/2009	8.4	Đạt	1	
132	54212410037	Lê Ngọc	Yến	29/10/2009	9.6	Đạt	1	
133	54212410063	Trà Như	Nguyệt	24/01/2009	8.7	Đạt	1	
134	54212420035	Nguyễn Hoàng	Lộc	02/10/2006	7.3	Đạt	1	
135	54222410112	Huỳnh Tấn	Tài	24/10/2004	8.0	Đạt	1	
136	54212410016	Nguyễn Lâm Hồng	Anh	19/03/2009	7.9	Đạt	1	

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2026

PHÒNG ĐÀO TẠO